ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 178/UBND-TC	*Tuy Phước, ngày 19 tháng 03 năm 2014*
V/v báo cáo mức thu phí trông giữ xe trên địa bàn huyện Tuy Phước.	

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Bình Định

Căn cứ Công văn số 333/CT-THNVDT ngày 28/02/2014 của Cục Thuế tỉnh Bình Định về việc đề xuất mức thu phí trông giữ xe trên địa bàn tỉnh;

Sau khi tập hợp ý kiến đề xuất của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Chi Cục thuế huyện, UBND các xã, thị trấn và Trung tâm y tế huyện về mức thu phí trông giữ xe tại các điểm, bãi giữ xe trên địa bàn huyện tại Báo cáo số 21/BC-PTCKH ngày 17/03/2014 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện. UBND huyện thống nhất với những mức giá thu lệ phí trông giữ xe và tỷ lệ để lại cho đơn vị, tổ chức và cá nhân (có bảng tổng hợp chi tiết về mức thu và tỷ lệ để lại kèm theo).

UBND huyện kính báo cáo Cục Thuế tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chi cục thuế huyện;
- Phòng TCKH huyện;
- Lưu : VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D HUYỆN TUY PHƯỚC - T. BÌNH ĐỊNH

Trần Hữu Lộc

ĐƠN VỊ: UBND HUYỆN TUY PHƯỚC

BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ NGHỊ CÁC MỨC THU PHÍ TRÔNG GIỮ XE

(Kèm theo Công văn số: 478 /UBND-TC ngày 19 /03/2014 của UBND huyện Tuy Phước)

STT	CÁC ĐIỂM ĐỖ, BÃI TRÔNG GIỮ PHƯƠNG TIỆN	Mức thu (đồng/lượt/xe)					Điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện cụ thể
		Tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện công cộng do Nhà nước đầu tư			Tại các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện không do Nhà nước đầu tư		
		TP QN, các thị xã, thị trấn	Các địa bàn còn lại	Tỷ lệ % đề nghị để lại cho đơn vị, tổ chức thu	TP QN, các thị xã, thị trấn	Các địa bàn còn lại	
A	B	1	2	3	4	5	6
I	**Đối với các điểm, bãi trông giữ xe tại các bệnh viện (kể cả: Trung tâm y tế huyện, thành phố, thị xã), trường học (PTTH, đại học, cao đẳng, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp) chợ.**						
*	**Bệnh viện huyện Tuy Phước**						
1	Xe đạp; xe đạp điện; xe xích lô, xe ba gác đạp	500	500	100			
2	Xe máy	1.000	1.000	100			Mức giữ xe ban đêm ở Bệnh viện tăng gấp đôi giá ban ngày
3	Ô tô các loại						
a	Xe ô tô chở người						
	+ Từ 15 chỗ ngồi trở xuống	*5.000*	*5.000*	*100*			
	+ Trên 15 chỗ ngồi	*7.000*	*7.000*	*100*			
b	Xe ô tô tải						
	+ Trọng tải dưới 5 tấn (kể cả xe lam)	*5.000*	*5.000*	*100*			
	+ Trọng tải từ trên 5 tấn	*7.000*	*7.000*	*100*			
*	**Ở các chợ trên địa bàn huyện**						
1	Xe đạp; xe đạp điện; xe xích lô, xe ba gác đạp	1.000	1.000	100	1.000	1.000	
2	Xe máy	2.000	2.000	100	2.000	2.000	
3	Ô tô các loại						
a	Xe ô tô chở người						
	+ Từ 15 chỗ ngồi trở xuống	*5.000*	*5.000*	*100*	*5.000*	*5.000*	
	+ Trên 15 chỗ ngồi	*7.000*	*7.000*	*100*	*7.000*	*7.000*	
b	Xe ô tô tải						
	+ Trọng tải dưới 5 tấn (kể cả xe lam)	*5.000*	*5.000*	*100*	*5.000*	*5.000*	
	+ Trọng tải từ trên 5 tấn	*7.000*	*7.000*	*100*	*7.000*	*7.000*	
II	**Đối với các điểm, bãi trông giữ xe tại các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa, các điểm tổ chức lễ hội, hội chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, du lịch.**						Lễ hội Chò Gò mùng 1 tết Nguyên Đán, Đua ghe mùng 2 tết ở Phước Hòa và Lễ hội Chùa bà mùng 2/2
1	Xe đạp; xe đạp điện; xe xích lô, xe ba gác đạp	1.000	1.000	100	2.000	2.000	
2	Xe máy	3.000	3.000	100	5.000	5.000	
3	Ô tô các loại						
a	Xe ô tô chở người						
	+ Từ 15 chỗ ngồi trở xuống	*5.000*	*5.000*	*100*	*10.000*	*10.000*	
	+ Trên 15 chỗ ngồi	*7.000*	*7.000*	*100*	*15.000*	*15.000*	
b	Xe ô tô tải						
	+ Trọng tải dưới 5 tấn (kể cả xe lam)						
	+ Trọng tải từ trên 5 tấn						

A	B	1	2	3	4	5	6
III	**Đối với các điểm, bãi hoạt động giữ xe ở các nơi khác**						
1	Xe đạp; xe đạp điện; xe xích lô, xe ba gác đạp	1.000	1.000	100	2.000	2.000	
2	Xe máy	2.000	2.000	100	5.000	5.000	
3	Ô tô các loại						
a	Xe ô tô chở người						
	+ Từ 15 chỗ ngồi trở xuống	*5.000*	*5.000*	*100*	*10.000*	*10.000*	
	+ Trên 15 chỗ ngồi	*7.000*	*7.000*	*100*	*15.000*	*15.000*	
b	Xe ô tô tải						
	+ Trọng tải dưới 5 tấn (kể cả xe lam)						
	+ Trọng tải từ trên 5 tấn						